Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-05-15 16:43:45 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 777/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 53/TTr-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 và văn bản số 2716/BKHCN-VTF ngày 29 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung:

Hỗ trợ cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, thiết bị đầu cuối góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ chuyển đổi số quốc gia và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích:

Phấn đấu 100% địa bàn sau đây được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất và dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất: Thôn đã có điện thuộc xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn đã có điện thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn lại; thôn đã có điện thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; nhà giàn trên biển.

b) Về hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc:

100% đối tượng sử dụng theo quy định được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc.

c) Về hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập:

- Phấn đấu 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo trên phạm vi cả nước có nhu cầu được hỗ trợ sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất hoặc dịch vụ viễn thông di động mặt đất.

- Phấn đấu 100% các đối tượng chính sách đặc biệt sau đây có nhu cầu được hỗ trợ sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất: Cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông (bao gồm cả điểm trường); trạm y tế xã (bao gồm cả điểm y tế/điểm trạm y tế xã); điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Phấn đấu 100% điểm cộng đồng tại địa bàn sau đây chưa được cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất và dịch vụ Internet băng rộng cố định mặt đất được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông cố định vệ tinh tầm thấp: Thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn lại; thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- 100% ngư dân trên tàu, thuyền Việt Nam đánh bắt trên biển có nhu cầu được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông di động hàng hải.

d) Về hỗ trợ thiết bị đầu cuối: 400.000 hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh.

II. DANH MỤC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

1. Dịch vụ viễn thông bắt buộc:

a) Dịch vụ viễn thông khẩn cấp; dịch vụ viễn thông liên lạc đến Tổng đài 112.

b) Dịch vụ viễn thông phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn, bao gồm: dịch vụ thoại; dịch vụ truyền số liệu qua vệ tinh; dịch vụ nhắn tin trên mạng viễn thông di động mặt đất.

c) Dịch vụ viễn thông di động hàng hải (qua hệ thống đài thông tin duyên hải) phục vụ các sự kiện tìm kiếm, cứu nạn trên biển.

2. Dịch vụ viễn thông phổ cập:

a) Dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông cố định mặt đất: Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng.

b) Dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông di động mặt đất:

- Dịch vụ thoại.

- Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng.

- Dịch vụ nhắn tin.

c) Dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông cố định vệ tinh tầm thấp.

d) Dịch vụ viễn thông di động hàng hải (dịch vụ thoại) phục vụ liên lạc cho ngư dân trên tàu, thuyền Việt Nam đánh bắt trên biển.

III. NHIỆM VỤ, ĐỊA BÀN, KHU VỰC, ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ, PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN

1. Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

a) Nhiệm vụ 1.1: Hỗ trợ bù đắp chi phí phát triển mới và duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông di động mặt đất tại địa bàn, khu vực chưa có dịch vụ viễn thông di động mặt đất.

- Đối tượng: Doanh nghiệp viễn thông.

- Địa bàn, khu vực: Thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn lại; thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; nhà giàn trên biển.

- Phương thức thực hiện:

+ Đối với nhà giàn trên biển: Đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ.

+ Đối với địa bàn, khu vực còn lại: Đấu thầu.

b) Nhiệm vụ 1.2: Hỗ trợ bù đắp chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông di động mặt đất tại địa bàn, khu vực chỉ có 01 doanh nghiệp đã tự đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng viễn

thông để cung cấp dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông di động mặt đất theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025.

- Đối tượng: Doanh nghiệp viễn thông.

- Địa bàn, khu vực: Thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn lại; thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; nhà giàn trên biển.

- Phương thức thực hiện:

+ Đối với nhà giàn trên biển: Đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ.

+ Đối với địa bàn, khu vực còn lại: Đặt hàng.

c) Nhiệm vụ 1.3: Hỗ trợ bù đắp chi phí phát triển mới và duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông để cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng trên mạng viễn thông cố định mặt đất tại địa bàn, khu vực chưa có dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất.

- Đối tượng: Doanh nghiệp viễn thông.

- Địa bàn, khu vực: Thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn lại; thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; nhà giàn trên biển.

- Phương thức thực hiện:

+ Đối với nhà giàn trên biển: Đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ.

+ Đối với địa bàn, khu vực còn lại: Đấu thầu.

d) Nhiệm vụ 1.4: Hỗ trợ bù đắp chi phí duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông để cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng trên mạng viễn thông cố định mặt đất tại địa bàn, khu vực chỉ có 01 doanh nghiệp đã tự đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông để cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng trên mạng viễn thông cố định mặt đất theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025.

- Đối tượng: Doanh nghiệp viễn thông.

- Địa bàn, khu vực: Thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn lại; thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; nhà giàn trên biển.

- Phương thức thực hiện:

+ Đối với nhà giàn trên biển: Đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ.

+ Đối với địa bàn, khu vực còn lại: Đặt hàng.

đ) Nhiệm vụ 1.5: Hỗ trợ bù đắp chi phí nâng cấp và duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông để phù hợp với sự phát triển của công nghệ hoặc để cung cấp dịch vụ viễn thông bắt buộc theo yêu cầu của Nhà nước, đảm bảo thông tin liên lạc trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

- Đối tượng: Doanh nghiệp viễn thông.

- Địa bàn, khu vực: Thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn lại; thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; nhà giàn trên biển.

- Phương thức thực hiện: Đấu thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ.

2. Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

a) Nhiệm vụ 2.1: Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông khẩn cấp; hỗ trợ dịch vụ viễn thông liên lạc đến Tổng đài 112.

- Đối tượng: Mọi cá nhân, tổ chức.

- Địa bàn, khu vực: Cả nước.

- Phương thức thực hiện: Đặt hàng.

b) Nhiệm vụ 2.2: Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn (gồm: dịch vụ thoại; dịch vụ truyền số liệu qua vệ tinh; dịch vụ nhắn tin trên mạng viễn thông di động mặt đất).

- Đối tượng: Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh.

- Địa bàn, khu vực: Cả nước.

- Phương thức thực hiện: Đặt hàng.

c) Nhiệm vụ 2.3: Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông di động hàng hải phục vụ các sự kiện tìm kiếm, cứu nạn trên biển.

- Đối tượng: Ngư dân trên tàu, thuyền Việt Nam đánh bắt trên biển.

- Địa bàn, khu vực: Cả nước.

- Phương thức thực hiện: Đặt hàng.

d) Nhiệm vụ 2.4: Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông di động mặt đất hoặc dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất.

- Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Địa bàn, khu vực: Cả nước.

- Phương thức thực hiện: Đặt hàng.

đ) Nhiệm vụ 2.5: Hỗ trợ sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất.

- Đối tượng: Cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông (bao gồm cả điểm trường); trạm y tế xã (bao gồm cả điểm y tế/điểm trạm y tế xã); điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Địa bàn, khu vực: Xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Phương thức thực hiện: Đặt hàng.

e) Nhiệm vụ 2.6: Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông cố định vệ tinh tầm thấp tại các khu vực chưa được cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất và dịch vụ Internet băng rộng cố định mặt đất.

- Đối tượng: Điểm cộng đồng.

- Địa bàn, khu vực: Thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn lại; thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Phương thức thực hiện: Đặt hàng.

g) Nhiệm vụ 2.7: Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông di động hàng hải qua hệ thống đài thông tin duyên hải.

- Đối tượng: Ngư dân trên tàu, thuyền Việt Nam đánh bắt trên biển.

- Địa bàn, khu vực: Cả nước.

- Phương thức thực hiện: Đặt hàng.

3. Hỗ trợ thiết bị đầu cuối

Nhiệm vụ: Hỗ trợ 400.000 điện thoại thông minh.

- Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, trừ hộ nghèo, hộ cận nghèo có học sinh, sinh viên được hỗ trợ thiết bị đầu cuối từ Chương trình "Sóng và máy tính cho em" do Thủ tướng Chính phủ phát động ngày 12 tháng 9 năm 2021 và trừ hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước trong các chương trình khác từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm lập danh sách hỗ trợ.

- Địa bàn, khu vực: Cả nước.

- Phương thức thực hiện: Giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp viễn thông.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình được thực hiện thông qua Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của Luật Viễn thông, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Các doanh nghiệp viễn thông thực hiện đóng góp tài chính cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định tại mục 2 phần V của Quyết định này.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ giao Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tổ chức, quản lý hoạt động thu đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông; tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Phần III Quyết định này và các nhiệm vụ chi quản lý hoạt động viễn thông công ích theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 31 Luật Viễn thông và Điều 27 Nghị định số 295/2025/NĐ-CP.

4. Chương trình được thực hiện với sự tham gia, phối hợp quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan ở trung ương và các địa phương; sự giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư trong việc thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật.

5. Công khai, minh bạch các chính sách hỗ trợ của Chương trình này cho các đối tượng thụ hưởng; tuyên truyền rộng rãi cho các địa phương, tổ chức, cá nhân trên các phương tiện thông tin đại chúng về Chương trình theo quy định của pháp luật.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kinh phí để thực hiện Chương trình bao gồm:

a) Nguồn đóng góp của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và nguồn kinh phí được chuyển tiếp từ Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn trước.

b) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Mức đóng góp của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng thực hiện đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam là 0,75% doanh thu dịch vụ viễn thông phát sinh trong năm.

b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam là 0,15% doanh thu dịch vụ viễn thông phát sinh trong năm.

3. Giao Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thời điểm bắt đầu tính đóng góp và dừng đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, bảo đảm thời gian tính đóng góp nằm trong thời gian thực hiện chương trình, đáp ứng nhu cầu kinh phí để thực hiện các mục tiêu của Chương trình.

VI. THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Thời gian thực hiện Chương trình được tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì, hướng dẫn, triển khai thực hiện Chương trình, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện Chương trình;

b) Hướng dẫn việc thực hiện yêu cầu về phổ cập dịch vụ viễn thông đối với từng loại hình dịch vụ viễn thông; ban hành thiết kế tiêu chuẩn công trình viễn thông để đáp ứng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập;

c) Ban hành tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ viễn thông công ích; ban hành giá dịch vụ viễn thông công ích, mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích; ban hành về yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và mức hỗ trợ thiết bị đầu cuối;

d) Tổ chức xây dựng, phê duyệt kế hoạch, dự toán, quyết toán thực hiện Chương trình;

đ) Ban hành kế hoạch thu đóng góp tài chính của các doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và phê duyệt quyết toán kinh phí thu đóng góp của Chương trình; gửi quyết định cho Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định;

e) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan liên quan, địa phương tổ chức, quản lý, kiểm tra, giám sát, tuyên truyền thực hiện hoạt động viễn thông công ích;

g) Tổng kết, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Chương trình sau khi kết thúc Chương trình;

h) Chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo, kiến nghị tại Tờ trình số 53/TTr-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 về đề nghị ban hành Quyết định phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030 và văn bản số 2716/BKHCN-VTF ngày 29 tháng 4 năm 2026 về việc hoàn thiện hồ sơ dự thảo Quyết định phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, triển khai, giám sát, kiểm tra thực hiện Chương trình. Trong đó, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc hướng dẫn các địa phương cung cấp số liệu liên quan đến hoạt động viễn thông công ích thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm:

a) Tổ chức rà soát, đề xuất khu vực khó khăn được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại địa phương theo quy định và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Tổ chức quản lý, lập và phê duyệt danh sách đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, được hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo quy định và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Chủ trì, phối hợp quản lý, kiểm tra, giám sát, tuyên truyền thực hiện hoạt động viễn thông công ích trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ;

d) Bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương cho nhiệm vụ quản lý thực hiện Chương trình tại địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước;

đ) Chỉ đạo các cơ quan nhà nước tại địa phương phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông trong việc thực hiện chi hỗ trợ thiết bị đầu cuối.

4. Các doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm:

a) Thực hiện đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo kế hoạch của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đúng đối tượng với chất lượng, giá cước dịch vụ theo quy định;

c) Thực hiện và báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, số liệu thực hiện Chương trình.

5. Đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết cho các cơ quan nhà nước liên quan và cho doanh nghiệp viễn thông khi đề nghị được hỗ trợ theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

6. Các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, doanh nghiệp viễn thông, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện Chương trình bảo đảm kinh phí hỗ trợ được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, đúng quy định, không để thất thoát, lãng phí, tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Kéo dài thực hiện hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025:

a) Các nhiệm vụ hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo điểm a, c, d, đ khoản 2 Mục II Điều 1 Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 được kéo dài thời gian thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 cho đến thời điểm đối tượng thụ hưởng theo quy định của Quyết định số 2269/QĐ-TTg nhận được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo quy định của Chương trình này nhưng không được quá thời gian ngày 30 tháng 9 năm 2026;

b) Đối với các nhiệm vụ đang được hỗ trợ theo điểm c, d khoản 2 Mục II Điều 1 Quyết định số 2269/QĐ-TTg, các doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm gửi danh sách các đối tượng đang được hỗ trợ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho cơ quan nhà nước tại địa phương được giao xác nhận đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích để cơ quan này xác nhận đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định và gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện việc hỗ trợ;

c) Việc thực hiện đối với các nhiệm vụ tại điểm a khoản này thực hiện theo các quy định hiện hành áp dụng cho Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025, trừ quy định tại điểm b khoản này. Trong đó, mức hỗ trợ áp dụng theo mức hỗ trợ quy định đối với tháng cuối cùng của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025;

d) Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, tổ chức triển khai và giao Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thanh toán kinh phí cho doanh nghiệp viễn thông đã thực hiện hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, doanh nghiệp viễn thông, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Quốc Dũng